

CƠ CẤU LẠI KINH TẾ CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phùng Quang Phát

Tóm tắt: Cơ cấu lại kinh tế công nghiệp là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp trong chuỗi giá trị toàn cầu. Bài viết tiếp cận quá trình cơ cấu lại kinh tế công nghiệp dưới góc độ kinh tế chính trị, gồm các yếu tố của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong công nghiệp. Bằng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp với thống kê, so sánh, bài viết đã chỉ ra quan niệm, tiêu chí đánh giá, từ đó làm rõ những thành tựu, hạn chế của quá trình cơ cấu lại kinh tế công nghiệp tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020; phân tích nguyên nhân của những hạn chế; đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại kinh tế công nghiệp tỉnh Hải Dương theo hướng phát triển bền vững trong thời gian tới.

Từ khóa: Cơ cấu lại kinh tế công nghiệp; Phát triển bền vững.

Đặt vấn đề

Cơ cấu lại kinh tế công nghiệp được coi là một trong những nội dung cơ bản, có vai trò quan trọng trong việc huy động, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Ở Việt Nam, chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định và nhất quán thực hiện từ Đại hội XI (2011), XII (2016), đến Đại hội XIII tiếp tục khẳng định “Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 124).

Hải Dương là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, trên hành lang kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và kề sát vành đai kinh tế ven biển vịnh Bắc Bộ. Với tiềm năng to lớn và vị trí chiến lược quan trọng như trên, tỉnh có lợi thế lớn trong việc phát triển kinh tế công nghiệp, đưa công nghiệp trở

thành ngành chủ lực để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp của Trung ương, những năm qua Hải Dương đã có nhiều giải pháp cơ cấu lại kinh tế công nghiệp, bước đầu đạt được hiệu quả tích cực. Vì vậy, kinh tế công nghiệp của tỉnh có tốc độ phát triển khá mạnh, giá trị sản xuất toàn ngành tăng liên tục và đóng góp tỷ trọng cao trong GDP.

Tuy nhiên, quá trình cơ cấu lại kinh tế công nghiệp của tỉnh những năm qua đang dần bộc lộ những hạn chế như tốc độ tăng trưởng công nghiệp có xu hướng chậm lại và dựa chủ yếu vào sự gia tăng về vốn, tài nguyên, lao động trình độ thấp; cơ cấu kinh tế công nghiệp mất cân đối, thiếu bền vững,... Do đó, bài viết nghiên cứu về cơ cấu lại kinh tế công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương để đề xuất các giải pháp nhằm bố trí, sắp xếp, tổ chức lại kinh tế công nghiệp của tỉnh hướng tới cơ cấu mới, hợp lý, hiện đại và hiệu quả hơn. Nghiên cứu

cơ cấu lại kinh tế công nghiệp tỉnh Hải Dương theo hướng phát triển bền vững là vấn đề cấp thiết có ý nghĩa thực tiễn.

1. Cách tiếp cận và tiêu chí đánh giá

1.1. Khái niệm

Xét về mặt thuật ngữ, “cơ cấu lại” có nghĩa là sự điều chỉnh định hướng chiến lược, tầm nhìn hoặc làm thay đổi toàn bộ cấu trúc của hệ thống như điều chỉnh lại khung khổ nguồn lực, cơ chế hoạt động, mô hình của một lĩnh vực, một ngành cụ thể nhằm phù hợp với yêu cầu, điều kiện, hoàn cảnh tại thời điểm đó. Cơ cấu lại nền kinh tế là tập hợp các hoạt động có chủ đích nhằm thay đổi sự phân bổ nguồn lực giữa các bộ phận trong nền kinh tế, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và hiệu quả chung của nền kinh tế, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và lợi thế cạnh tranh quốc gia (Bùi Văn Huyền và Nguyễn Ngọc Toàn, 2013).

Kinh tế công nghiệp là tập hợp những yếu tố cấu thành của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong quá trình sản xuất và tái sản xuất công nghiệp, thuộc lĩnh vực sản xuất vật chất của nền sản xuất xã hội, có nhiệm vụ tạo ra của cải vật chất cho xã hội, tạo ra các sản phẩm là tư liệu sản xuất (máy móc, thiết bị, công cụ, vật liệu,...) và các vật phẩm tiêu dùng.

Từ sự phân tích trên, tác giả cho rằng: Cơ cấu lại kinh tế công nghiệp theo hướng bền vững là hoạt động có chủ đích của các chủ thể thông qua việc bố trí, sắp xếp lại các yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất và các mặt của quan hệ sản xuất trong công nghiệp nhằm hình thành một cơ cấu kinh tế công nghiệp mới hiện đại, hiệu quả, bền vững.

Cơ cấu lại kinh tế công nghiệp là một hợp phần của cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế quốc dân, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Quá trình cơ cấu lại kinh tế công nghiệp phải chú trọng

nâng cao năng lực quản lý của nhà nước; tiến hành phân định rõ vai trò, chức năng của nhà nước và của thị trường theo hướng giảm thiểu các rào cản, các biện pháp can thiệp hành chính; tạo động lực để khuyến khích, phân bổ nguồn lực theo tín hiệu thị trường nhằm thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế.

Nội dung cơ cấu lại kinh tế công nghiệp tập trung vào tái cấu trúc vốn đầu tư; trình độ kỹ thuật - công nghệ; lực lượng lao động; không gian phân bố; và cơ cấu lại các thành phần kinh tế trong công nghiệp theo hướng hình thành một cơ cấu kinh tế công nghiệp mới, hiện đại, hiệu quả, bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường.

1.2. Tiêu chí đánh giá

Các tiêu chí về kinh tế

+ Chỉ số sản xuất công nghiệp, thể hiện ở tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp; tăng trưởng sản lượng công nghiệp do nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả sử dụng các nguồn lực sản xuất;

+ Cơ cấu công nghiệp, được xác định bằng tỷ trọng giá trị sản lượng của từng bộ phận trong tổng giá trị sản lượng của toàn ngành công nghiệp;

+ Tỷ trọng của công nghiệp trong GDP;

+ Vốn đầu tư cho các phân ngành công nghiệp;

+ Trình độ công nghệ được sử dụng trong sản xuất công nghiệp và mức độ hoàn thiện, hiện đại của hệ thống kết cấu hạ tầng công nghiệp (nhà xưởng, kho tàng, bến bãi).

Các tiêu chí về xã hội

+ Tạo việc làm mới và chuyển dịch cơ cấu lao động;

+ Thu nhập, chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Các tiêu chí về môi trường

+ Mức độ phù hợp của công nghệ đối với việc bảo vệ môi trường (thông qua trình độ công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp đang sử dụng);

+ Xử lý môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, thể hiện ở tỷ lệ phần trăm số khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý chất thải, nước thải, khí thải tập trung đạt tiêu chuẩn.

2. Khái quát thực trạng cơ cấu lại kinh tế công nghiệp theo hướng phát triển bền vững ở tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020

2.1. Những thành tựu

Kinh tế công nghiệp của tỉnh giai đoạn 2016-2020 tiếp tục giữ vững được tốc độ tăng trưởng ở mức khá, có đóng góp chủ yếu vào sự tăng trưởng chung của địa phương. Giá trị sản xuất công nghiệp trong giai đoạn này tăng bình quân 15,4%/năm (giai đoạn 2011-2015 là 13,7%/năm). Quy mô ngành công nghiệp năm 2020 gấp 2,0 lần năm 2015. Cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Cơ cấu kinh tế năm 2020 của tỉnh là nông, lâm nghiệp, thủy sản 8,8%; công nghiệp - xây dựng 59,7%; dịch vụ 31,5% (Tỉnh ủy Hải Dương, 2020, tr. 3).

Tính riêng năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, chỉ số sản xuất công nghiệp của tỉnh vẫn ở mức 102,4%. Một số sản phẩm công nghiệp tăng so với năm 2019 là thức ăn gia súc, gia cầm (2,6%); sản xuất may, trang phục (2,9%); mạch điện tử tích hợp (5,0%); điện sản xuất (9,1%); nước sạch (9,7%),... (Cục Thống kê tỉnh Hải Dương, 2021, tr. 385).

Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, giảm

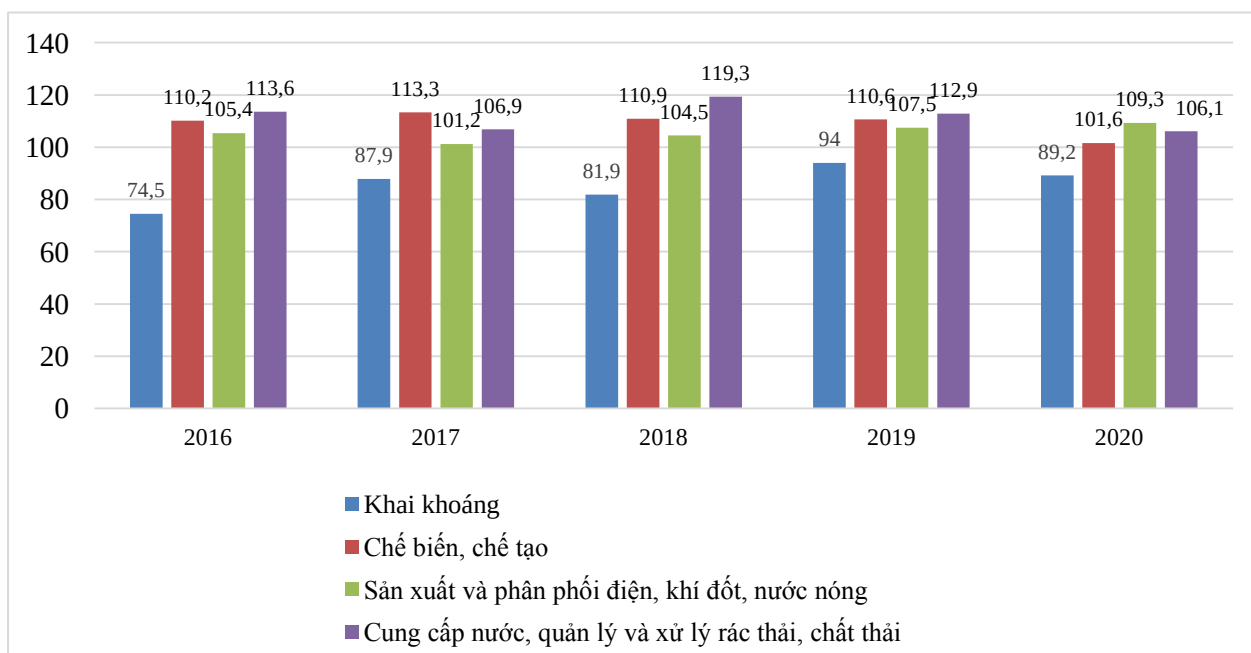
dẫn tỷ trọng ngành công nghiệp khai thác tài nguyên khoáng sản. Trong giai đoạn 2016-2020, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo duy trì tốc độ tăng liên tục và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh, với mức tăng từ 92,9% năm 2016 lên 94,5% năm 2020 (Tỉnh ủy Hải Dương, 2020, tr.3).

Tăng trưởng sản lượng công nghiệp có sự dịch chuyển từ các ngành công nghiệp chủ yếu dựa vào tài nguyên và lao động, tác động xấu đến môi trường sang các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện hơn với môi trường. Công nghiệp chế biến sâu đối với các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản và các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh nhằm nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm tạo nên giá trị gia tăng cao đã được chú trọng phát triển. Mặc dù vậy, trong giai đoạn 2016-2020, ngành công nghiệp khai khoáng và ngành công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng có tốc độ phát triển sản xuất thấp hơn nhưng lại có xu hướng tăng; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, chất thải có tốc độ phát triển sản xuất cao hơn nhưng lại có xu hướng giảm dần (Hình 1).

Vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp đã được cơ cấu lại theo hướng tỷ lệ đầu tư cho công nghiệp gia công lắp ráp giảm dần, tỷ lệ đầu tư cho công nghiệp chế biến, chế tạo tăng dần; tăng tỷ lệ vốn cho các ngành sử dụng công nghệ cao, sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn, giảm dần vốn đầu tư vào các lĩnh vực sử dụng nhiều tài nguyên khoáng sản và lao động giản đơn.

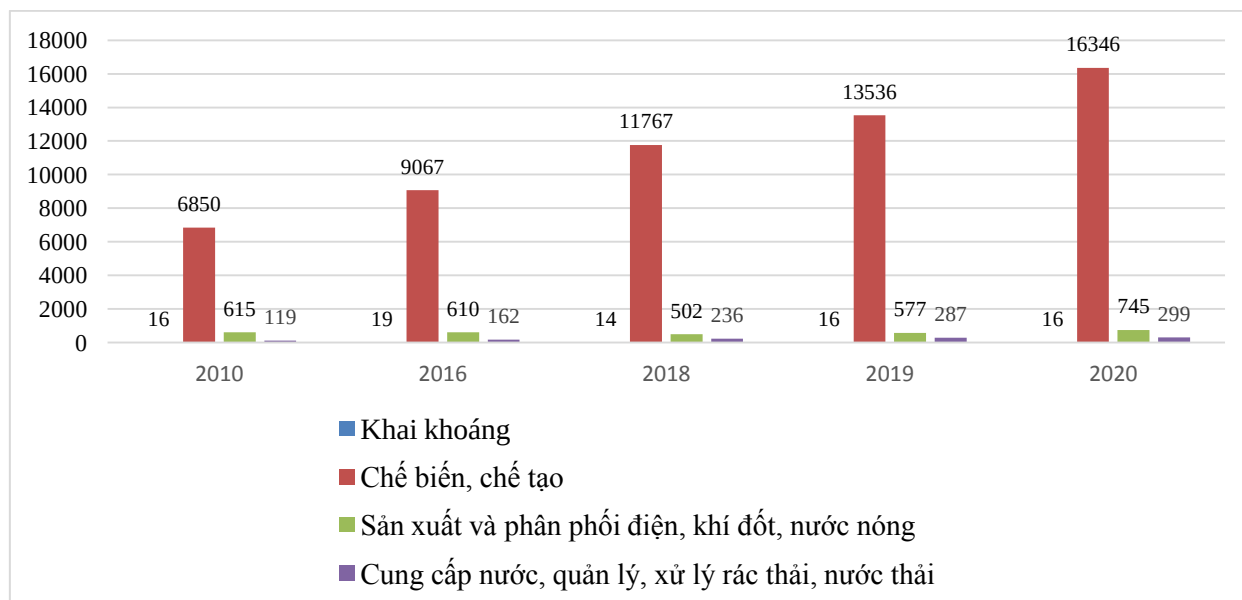
Công nghiệp khai khoáng có vốn đầu tư thực hiện thấp nhất (năm 2016 chiếm 0,2%; năm 2020 chiếm 0,098%); công nghiệp chế biến, chế tạo có vốn đầu tư thực hiện cao nhất (năm 2016 chiếm 90,1%; năm 2020 chiếm 93,9%) và tăng rất mạnh, các ngành còn lại đều có xu hướng tăng vốn thực hiện nhưng tốc độ tăng không cao (Hình 2).

HÌNH 1. CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THEO NGÀNH KINH TẾ TỈNH HẢI DƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 (%)



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương năm 2021.

HÌNH 2. VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THEO GIÁ SO SÁNH (TỶ ĐỒNG)



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương năm 2021.

Tỉnh đã bước đầu hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ. Đến nay, toàn tỉnh có 10 khu công nghiệp được đầu tư hạ tầng đồng bộ (tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt

81,6%); có 38 cụm công nghiệp được thành lập (tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt 68,6%), trong đó 8 cụm công nghiệp có nhà đầu tư hạ tầng (Tỉnh ủy Hải Dương, 2020, tr. 6).

Cơ cấu lao động chuyển dịch phù hợp với xu thế chuyển dịch tỷ trọng các ngành trong GDP, theo đó tỷ lệ lao động nông lâm ngư nghiệp giảm dần và tăng tỷ lệ lao động trong các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ (Bảng 1).

Trong giai đoạn 2016-2020, trung bình mỗi năm ngành công nghiệp tỉnh Hải Dương giải quyết việc làm cho hơn 12.000 lao động; năm 2020, tổng số lao động làm việc trong các

doanh nghiệp công nghiệp là 460.261 người (Cục Thống kê tỉnh Hải Dương, 2021, tr. 71). Thu nhập bình quân của người lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp ngày càng tăng, năm 2016 là 5,7 triệu đồng/người/tháng; năm 2020 là 8,4 triệu đồng/người/tháng (Cục Thống kê tỉnh Hải Dương, 2021, tr. 234). Đời sống vật chất, tinh thần của người lao động được cải thiện đáng kể.

BẢNG 1. CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2016-2020 (%)

Năm	Nông, lâm, ngư nghiệp	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
2016	32,7	38,9	28,3
2017	30,6	40,5	28,9
2018	28,7	41,9	29,3
2019	26,2	43,7	30,2
2020	22,8	46,8	30,4

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương năm 2021.

Trong giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 78,5% lên 90,5%; số bác sỹ/1 vạn dân từ 7,9% tăng lên 9,3%; số giường bệnh/1 vạn dân từ 25,5 tăng lên 31,2 giường; tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều giảm từ 3,05% xuống còn 1,8%; chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh tăng từ 0,703 lên 0,741 (Tỉnh ủy Hải Dương, 2020, tr. 7).

Trình độ công nghệ của ngành công nghiệp dần được nâng lên, tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2020 là 47,1% (Tỉnh ủy Hải Dương, 2020, tr. 2). Các doanh nghiệp công nghiệp đã chú trọng đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý chất thải, rác thải tập trung; tình trạng ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí được kiểm soát. Các doanh nghiệp đã tích cực áp dụng hệ thống tổ chức sản xuất tiên tiến và ứng dụng công nghệ cao, sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm, hiệu quả

trong sản xuất công nghiệp. Tính đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 07/10 khu công nghiệp (chiếm 70%) có hệ thống xử lý nước thải, rác thải tập trung đang hoạt động ổn định; 14/38 cụm công nghiệp được phê duyệt đánh giá tác động môi trường (Tỉnh ủy Hải Dương, 2020, tr. 9).

Tỉnh đã chú trọng thực hiện việc đầu tư đổi mới công nghệ theo phương thức hiện đại hóa từng phần, từng công đoạn trong dây chuyền sản xuất, đặc biệt các công đoạn có tính quyết định đến chất lượng sản phẩm; tổ chức kiểm tra và thu hồi giấy phép kinh doanh của 03 cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường; xác nhận 17 cơ sở sản xuất hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; thẩm định hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại hoàn thiện cấp mới sổ đăng ký 34 cơ sở, cấp lại 09 cơ sở (Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, 2020, tr. 9).

2.2. Những hạn chế và nguyên nhân

Quá trình cơ cấu lại kinh tế công nghiệp của tỉnh vẫn diễn ra chậm và chưa thực sự phản ánh lợi thế so sánh của địa phương. Chuyển dịch cơ cấu nội ngành chưa rõ nét, chưa bền vững. Mặc dù ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được xem là động lực tăng trưởng nhanh, nhưng tính chất hoạt động vẫn mang hình dáng của những “công xưởng gia công”. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp của tỉnh giai đoạn 2016-2020 lại có xu hướng giảm từ 111% xuống còn 102,4% (Cục Thống kê tỉnh Hải Dương, 2021, tr. 387).

Công nghiệp nói chung, công nghiệp mũi nhọn và ưu tiên chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh. Tốc độ tăng trưởng về số lượng của khu vực công nghiệp ngoài nhà nước cao, nhưng doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách của khu vực này chưa tương xứng. Năm 2020, lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp ngoài nhà nước là 5.979 tỷ đồng, thấp hơn nhiều so với doanh nghiệp nhà nước (12.723 tỷ đồng); tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của doanh nghiệp ngoài nhà nước chỉ là 2,8%, trong khi đó doanh nghiệp nhà nước là 11,6%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 3,0% (Cục Thống kê tỉnh Hải Dương, 2021, tr. 251).

Tăng trưởng công nghiệp phụ thuộc nhiều vào các yếu tố về vốn, tài nguyên, lao động trình độ thấp, chưa dựa nhiều vào tri thức khoa học - công nghệ, lao động có kỹ năng. Đóng góp của công nghệ đối với tăng năng suất lao động ngành công nghiệp chế biến, chế tạo còn thấp.

Một số ngành công nghiệp chủ đạo chưa được tổ chức theo mô hình chuỗi giá trị, đặc biệt là các ngành công nghiệp định hướng xuất khẩu. Chủ yếu tham gia được ở các công đoạn có giá trị gia tăng thấp như gia công, lắp ráp, không chủ động được nguồn cung cho sản

xuất, đặc biệt là đối với các ngành phải nhập khẩu nguyên liệu như dệt may, da giày, điện tử, hóa chất... tỷ suất lợi nhuận chỉ khoảng 5-10% (Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, 2020, tr. 11).

Công nghiệp hỗ trợ phát triển còn chậm; nguyên vật liệu, linh kiện phục vụ sản xuất còn phụ thuộc lớn vào bên ngoài; chưa quan tâm đúng mức đến chuỗi giá trị và cung ứng trong nước. Tỷ lệ nội địa hoá sản phẩm công nghiệp còn thấp, còn phụ thuộc nhiều vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản vẫn còn kém phát triển, nhất là ở các khâu bảo quản và chế biến sâu.

Nguyên nhân của hạn chế: Những hạn chế nêu trên bắt nguồn từ công tác quy hoạch, cơ chế, chính sách huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực chưa hợp lý. Đặc biệt, còn có những tồn tại, bất cập trong không ít những quy định hiện hành đang gây khó khăn cho việc thực hiện có hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại kinh tế công nghiệp, đổi mới mô hình tăng trưởng.

Việc thực hiện khâu đột phá chiến lược về cải cách hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chưa có chuyển biến rõ nét. Môi trường kinh doanh chậm được cải thiện, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thấp so với mặt bằng chung toàn quốc và các tỉnh trong vùng.

Việc huy động các nguồn vốn đầu tư cho cơ cấu lại kinh tế công nghiệp hiệu quả chưa cao, tiến độ thực hiện một số dự án trọng điểm còn chậm. Nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế còn hạn chế nên việc đầu tư cho phát triển sản xuất công nghiệp theo công nghệ hiện đại và đào tạo nguồn nhân lực gặp khó khăn. Tỷ lệ đầu tư và giải ngân cho hoạt động khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương còn ở mức thấp, dưới 1% (Tỉnh ủy Hải Dương,

2020, tr. 18). Chưa khai thác hết lợi thế so sánh để thu hút các nhà đầu tư lớn vào địa bàn tỉnh. Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế công nghiệp.

Thị trường các yếu tố sản xuất chậm phát triển, chưa là cơ chế chính trong phân bổ nguồn lực để đạt được hiệu quả cao nhất. Cải cách thể chế và thực hiện các chương trình cơ cấu lại chưa được tiến hành một cách nhất quán, toàn diện để chuyển sang kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại và để hình thành một cơ cấu kinh tế hợp lý, năng động hơn.

Một số doanh nghiệp chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật. Có cơ sở sản xuất, kinh doanh thiếu vốn, thiếu công nghệ, thiếu lao động và chưa phát huy hết công suất đầu tư; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp còn thấp. Thị trường tiêu thụ một số sản phẩm công nghiệp gặp nhiều khó khăn, khả năng tiếp cận thị trường và chuyển hướng sản xuất của các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn chậm.

Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan chức năng có thời điểm chưa chủ động, kịp thời và thiếu cương quyết. Bên cạnh đó, những tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự biến động và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhất là ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 là những rào cản làm cản trở quá trình cơ cấu lại kinh tế công nghiệp theo hướng phát triển bền vững của tỉnh.

3. Một số giải pháp thúc đẩy cơ cấu lại kinh tế công nghiệp tỉnh Hải Dương theo hướng phát triển bền vững

Thứ nhất, tiếp tục củng cố, hoàn thiện hệ thống chính sách và thể chế cơ cấu lại kinh tế công nghiệp theo hướng phát triển bền vững.

Tỉnh cần rà soát, điều chỉnh bổ sung và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo ra khung khổ pháp lý cho đẩy mạnh

cơ cấu lại kinh tế công nghiệp, đảm bảo tính đồng bộ, công khai, minh bạch, ổn định và phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của và các cam kết quốc tế nói chung, các yêu cầu về phát triển công nghiệp nói riêng.

Tiếp tục xây dựng và điều chỉnh các cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư trong một số ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp xanh; các dự án đầu tư phát triển các vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp để tập trung nguồn lực tạo đột phá về tăng trưởng kinh tế công nghiệp của tỉnh.

Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các chính sách hoàn thiện môi trường kinh doanh, đơn giản hóa và công khai quy trình, thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện điện tử hóa các thủ tục kiểm tra chuyên ngành; từng bước thực hiện đầy đủ nguyên tắc cơ chế thị trường giữ vai trò chủ yếu trong phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển các ngành công nghiệp, đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng, thuận lợi cho các doanh nghiệp.

Thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; tiếp tục thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư, phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh; tập trung đôn đốc nhà đầu tư đẩy nhanh hoàn thiện các thủ tục quy hoạch, đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã giao chủ đầu tư, theo hướng đồng bộ, hiện đại, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả để đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh; thí điểm quy hoạch, xây dựng khu công nghiệp hỗ trợ tạo điều kiện đẩy nhanh phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; tích cực xúc tiến đầu tư, thu hút các dự án có công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ sạch, công

ng nghiệp hỗ trợ vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Thứ hai, đẩy mạnh thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ và nguồn nhân lực nhằm cung cấp các giải pháp hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại kinh tế công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì việc xây dựng và triển khai kế hoạch xúc tiến đầu tư; xây dựng quy định về thu hút các dự án đầu tư, nhất là các dự án đầu tư theo hình thức công tư trên địa bàn tỉnh; thường xuyên nắm bắt và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để giải quyết nhanh các thủ tục về đất đai, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ... đối với các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Việc thu hút nguồn vốn đầu tư cần ưu tiên các dự án có giá trị gia tăng cao, công nghệ và mô hình quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng; lấy chất lượng, hiệu quả công nghệ và bảo vệ tài nguyên, môi trường làm tiêu chí đánh giá chủ yếu.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì việc xây dựng và triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ khoa học công nghệ, ưu tiên các nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ cho chương trình xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, thương mại hóa và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, công nghệ cao, công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất công nghiệp; xây dựng lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ cho một số ngành công nghiệp ưu tiên.

Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành công nghiệp; chú trọng phát triển nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp công nghệ cao theo từng giai đoạn cụ thể; tăng cường liên

kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp công nghiệp, hướng tới đào tạo nguồn nhân lực một cách thực chất theo đúng nhu cầu; kết hợp mạnh mẽ công tác nghiên cứu giữa các viện, trường với các cơ sở sản xuất để tăng hàm lượng trí tuệ và trình độ khoa học công nghệ trong sản phẩm công nghiệp.

Các doanh nghiệp cần xây dựng lộ trình thay thế và loại bỏ dần các thiết bị lạc hậu trong các nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp; xây dựng và nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm của các ngành công nghiệp như: chế biến nông sản, dệt may, da giày, điện tử... nhằm nâng cao giá trị gia tăng và khả năng tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu.

Thứ ba, phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp ưu tiên nhằm tạo tác động lan tỏa cho toàn ngành công nghiệp của tỉnh.

Tỉnh cần lựa chọn các nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ cần ưu tiên phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương; xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi cụ thể cho các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ đối với một số ngành công nghiệp mũi nhọn; ưu tiên đầu tư phát triển ngành công nghiệp chế biến sâu đối với các sản phẩm nông lâm, thủy sản, đặc biệt là các sản phẩm tỉnh có lợi thế cạnh tranh nhằm nâng cao giá trị gia tăng của ngành, qua đó tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, tăng giá trị xuất khẩu; khuyến khích phát triển chế biến bằng công nghệ cao.

Tăng cường công tác xúc tiến thương mại và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp, ngành công nghiệp tỉnh ưu tiên đầu tư phát triển; đẩy mạnh công tác phối hợp, cung cấp thông tin và hướng dẫn doanh nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, đặc biệt là thương mại quốc tế.

Phát triển khu vực doanh nghiệp công nghiệp tư nhân có thương hiệu trong khu vực và toàn cầu; khuyến khích và hỗ trợ doanh

ng nghiệp tư nhân lớn đầu tư dài hạn trên địa bàn tỉnh, tạo dựng sản phẩm và thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh quốc tế; thu hẹp khoảng cách về năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp FDI trong các ngành công nghiệp như ô tô, dệt may, da giày, điện tử, chế biến nông sản.

Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp thông qua việc cung cấp thông tin, hỗ trợ đào tạo lao động, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, hỗ trợ xây dựng hạ tầng; hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia và các dự án của các doanh nghiệp FDI đầu tư tại Việt Nam.

Thứ tư, đẩy mạnh phát triển công nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường.

Tỉnh cần nhất quán chủ trương gắn sản xuất công nghiệp với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai thực hiện các chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; tiếp tục chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghiệp; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường đối với các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn; tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường nguồn nước; xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật môi trường đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng quan tâm, rà soát kỹ các dự án đầu tư mới để lựa chọn, áp dụng công nghệ phù hợp, không cấp phép cho các dự án sử dụng công nghệ và thiết bị lạc hậu, đã qua sử dụng; thực hiện việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; tăng cường công tác quản lý trong công tác kiểm tra, kiểm soát về xả thải của các doanh nghiệp công nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh; kịp

thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thứ năm, điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp phù hợp với định hướng cơ cấu lại các ngành công nghiệp.

Thực hiện điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại ngành công nghiệp và phát triển các ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh Hải Dương theo hướng tập trung, không dàn đều theo địa giới hành chính, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh; có chính sách thúc đẩy việc dịch chuyển các ngành công nghiệp chủ yếu dựa vào tài nguyên và lao động, tác động xấu đến môi trường sang các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

Phát triển mạnh các ngành công nghiệp ưu tiên theo lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và chuỗi giá trị như: dệt may, da giày, thực phẩm, điện tử và triển khai có hiệu quả các quy hoạch vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp ưu tiên, đặc biệt là đối với các ngành công nghiệp như: dệt may, da giày, chế biến thực phẩm...

Kết luận

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII đã xác định mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, đến năm 2030 là tỉnh công nghiệp hiện đại, tạo nền tảng để Hải Dương sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Thực hiện mục tiêu trên đòi hỏi tỉnh phải cụ thể hóa và triển khai chủ trương cơ cấu lại một cách thực chất kinh tế công nghiệp theo hướng phát triển bền vững. Tuy nhiên, cơ cấu lại kinh tế công nghiệp ở tỉnh Hải Dương thời gian qua còn khá nhiều hạn chế, bất cập như tốc độ chuyển dịch diễn ra chậm; chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp có xu hướng giảm; các ngành công

ng nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp ưu tiên phát triển chưa tương xứng với tiềm năng,... Việc tiến hành một cách đồng bộ, toàn diện các giải pháp nêu trên vừa phát huy được những lợi thế, vừa khắc phục được những hạn

chế có ý nghĩa rất quan trọng cho quá trình cơ cấu lại kinh tế công nghiệp theo hướng phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Văn Huyền và Nguyễn Ngọc Toàn (2013). *Tái cấu trúc kinh tế Việt Nam nhìn từ cơ cấu ngành và cơ cấu thành phần kinh tế*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Cục Thống kê tỉnh Hải Dương (2020). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và năm 2019*. Hải Dương.
3. Cục Thống kê tỉnh Hải Dương (2021). *Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương năm 2020*. Nxb Thống kê, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Tỉnh ủy Hải Dương (2020). *Báo cáo chính trị số 486-BC/TU ngày 16 tháng 10 năm 2020 trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII*. Hải Dương.
6. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (2020). *Báo cáo số 153/BC-UBND về Tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021*. Hải Dương.

Thông tin tác giả:

1. Phùng Quang Phát, ThS.

- Đơn vị công tác: Học viện Chính trị
- Địa chỉ email: phathvct@gmail.com.

Ngày nhận bài: 07/07/2021

Ngày nhận bản sửa: 07/11/2021

Ngày duyệt đăng: 20/11/2021